

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 83/2008/QĐ-BGDĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng
cơ sở giáo dục phổ thông**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Giám đốc đại học, học viện, Hiệu trưởng trường đại học có cơ sở giáo dục phổ thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo, Trưởng phòng giáo dục và đào tạo; Hiệu trưởng, Giám đốc các cơ sở giáo dục phổ thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- UBVHGDTNTNNĐ của QH;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- Cục KtrVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước;
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục KTKĐCLGD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

(đã ký)

Bành Tiến Long

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng

cơ sở giáo dục phổ thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 83/2008/QĐ-BGDĐT

ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông, bao gồm: tự đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông; đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông; đánh giá ngoài và đánh giá lại cơ sở giáo dục phổ thông; công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Văn bản này áp dụng đối với các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông) thuộc loại hình công lập và tư thục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông” là sự đáp ứng của cơ sở giáo dục phổ thông đối với các yêu cầu về mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật Giáo dục.

2. “Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông” là hoạt động đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông về mức độ đáp ứng các Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đối với từng loại cơ sở giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. “Tự đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông” là hoạt động tự xem xét, tự kiểm tra, đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và

Đào tạo ban hành để chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

4. “Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông” là hoạt động đánh giá của đoàn đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông nhằm xác định mức độ cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. “Thông tin trong báo cáo tự đánh giá” là những tư liệu được sử dụng để hỗ trợ và minh họa cho các phân tích, giải thích, nhận định, kết luận trong báo cáo tự đánh giá.

6. “Minh chứng trong báo cáo tự đánh giá” là những thông tin gắn với các tiêu chí để xác định từng tiêu chí đạt hay không đạt. Các minh chứng được sử dụng làm căn cứ để đưa ra các phân tích, giải thích, nhận định, kết luận trong báo cáo tự đánh giá.

Điều 3. Mục đích kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông

Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của cơ sở giáo dục phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Điều 4. Quy trình kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông

Quy trình kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện như sau:

1. Tự đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông.
2. Đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông.
3. Đánh giá ngoài và đánh giá lại (nếu có) cơ sở giáo dục phổ thông.
4. Công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 5. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông

1. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, bao gồm: tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học cơ sở; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường phổ thông có nhiều cấp học và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp.

2. “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông” (sau đây gọi tắt là tiêu chuẩn) là mức độ yêu cầu mà cơ sở giáo dục phổ thông phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Mỗi tiêu chuẩn bao gồm các tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

3. “Tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông” (sau đây gọi tắt là tiêu chí) là mức độ yêu cầu mà cơ sở giáo dục phổ thông cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của mỗi tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí có các chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục.

4. “Chỉ số đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông” (sau đây gọi tắt là chỉ số) là mức độ yêu cầu mà cơ sở giáo dục phổ thông cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của mỗi tiêu chí.

Điều 6. Nguyên tắc kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông

1. Tuân thủ theo quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông theo Quy định này.

2. Đánh giá các cơ sở giáo dục phổ thông theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, bao gồm: tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học cơ sở; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường phổ thông có nhiều cấp học; tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp;

3. Độc lập, khách quan, công khai và minh bạch.

Điều 7. Điều kiện đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông

1. Trường tiểu học đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên theo Quyết định số 32/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích các trường tiểu học chưa đạt chuẩn quốc gia thực hiện tự đánh giá nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có đủ các khối lớp học và có ít nhất một khoá học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục của lớp cuối cấp.

3. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp.

Điều 8. Chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông

1. Đối với trường tiểu học có chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục là 5 năm / lần.

2. Đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp có chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục là 4 năm / lần.

Chương II

TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 9. Quy trình tự đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Điều 10. Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Hội đồng tự đánh giá); Hội đồng tự đánh giá có ít nhất 07 thành viên.
2. Thành phần của Hội đồng tự đánh giá gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá là Hiệu trưởng hoặc Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp;
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá là Phó Hiệu trưởng hoặc Phó Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp;
 - c) Thư ký Hội đồng tự đánh giá là thư ký Hội đồng trường hoặc giáo viên có uy tín của cơ sở giáo dục phổ thông;
 - d) Các thành viên gồm đại diện Hội đồng trường đối với trường công lập hoặc Hội đồng quản trị đối với trường tư thục, các tổ trưởng tổ chuyên môn, giáo viên có uy tín, tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện các tổ chức đoàn thể; đại diện một số các phòng, ban, tổ Giáo vụ và Quản lý học sinh, tổ Quản lý nội trú (nếu có).
3. Nhóm thư ký có từ 2 đến 3 người do Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá quyết định thành lập; nhóm trưởng là một thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.
4. Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng tự đánh giá.
5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tự đánh giá:

a) Phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp thực hiện; xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đánh giá mức độ cơ sở giáo dục phổ thông đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung, kết quả về điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

b) Yêu cầu lãnh đạo, giáo viên, nhân viên và học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá;

c) Được đề nghị lãnh đạo của cơ sở giáo dục phổ thông thuê chuyên gia tư vấn để hỗ trợ việc triển khai hoạt động tự đánh giá.

6. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định có giá trị khi ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí.

Điều 11. Mục đích, phạm vi tự đánh giá

1. Mục đích tự đánh giá là cơ sở giáo dục phổ thông tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi của tự đánh giá bao quát toàn bộ các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 12. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá

Kế hoạch tự đánh giá do Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá phê duyệt bao gồm các nội dung: mục đích và phạm vi tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động; công cụ đánh giá; dự kiến các thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí; thời gian biểu cho từng hoạt động (bao gồm thời gian cần thiết để triển khai tự đánh giá và lịch trình thực hiện các hoạt động cụ thể).

Điều 13. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng

1. Căn cứ vào các tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cơ sở giáo dục phổ thông tiến hành thu thập thông tin và minh chứng.

2. Thông tin và minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và tính chính xác, được thu thập ở hồ sơ lưu trữ của cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ quan có liên quan, hoặc bằng khảo sát, điều

tra phỏng vấn những người có liên quan và quan sát các hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Các thông tin và minh chứng cần được xử lý, phân tích dùng làm căn cứ, minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá.

4. Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 1) được lập cho từng tiêu chí làm cơ sở để tổng hợp thành báo cáo tự đánh giá.

Điều 14. Đánh giá mức độ đạt được tiêu chí

Tiêu chí được xác định là đạt yêu cầu khi tất cả các chỉ số của tiêu chí đều đạt yêu cầu.

Điều 15. Viết báo cáo tự đánh giá

1. Mỗi tiêu chí trong báo cáo tự đánh giá được trình bày đầy đủ các nội dung: mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng và tự đánh giá theo từng tiêu chí.

2. Báo cáo tự đánh giá được trình bày dưới dạng một bản báo cáo có cấu trúc và hình thức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Báo cáo tự đánh giá là một văn bản ghi nhớ quan trọng để cơ sở giáo dục phổ thông cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục.

Điều 16. Công bố báo cáo tự đánh giá

1. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố công khai trong thời gian 15 ngày làm việc tại cơ sở giáo dục phổ thông để lấy ý kiến góp ý. Hội đồng tự đánh giá thu thập, xử lý các ý kiến thu được và hoàn thiện báo cáo. Các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá ký xác nhận vào bản báo cáo tự đánh giá; hiệu trưởng hoặc giám đốc của cơ sở giáo dục phổ thông ký tên, đóng dấu.

2. Công bố công khai báo cáo tự đánh giá; các thông tin và minh chứng phục vụ tự đánh giá được lưu trữ đầy đủ trong một chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương III

ĐĂNG KÝ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 17. Hồ sơ và thời gian đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông

1. Hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, bao gồm:

- a) Bản đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (Phụ lục 2);
- b) Báo cáo tự đánh giá (03 bản) và các văn bản, tài liệu, thông tin, minh chứng kèm theo.

2. Thời gian đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện trong tháng 3 hoặc tháng 11 hằng năm.

Điều 18. Quy trình tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông

1. Đối với phòng giáo dục và đào tạo:

a) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý;

b) Kiểm tra báo cáo tự đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục, thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông biết hồ sơ được chấp nhận để đánh giá ngoài hoặc yêu cầu tiếp tục hoàn thiện;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, gửi công văn (kèm theo hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông) đề nghị Giám đốc sở giáo dục và đào tạo tổ chức đánh giá ngoài và thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý được đánh giá ngoài biết;

đ) Tháng 01 và tháng 5 hằng năm, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Giám đốc sở giáo dục và đào tạo về danh sách các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý hoàn thành báo cáo tự đánh giá được chấp nhận đánh giá ngoài.

2. Đối với sở giáo dục và đào tạo:

a) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục hợp lệ từ các phòng giáo dục và đào tạo; kiểm tra và thông báo cho phòng giáo dục và đào tạo biết những hồ sơ được chấp nhận để đánh giá ngoài;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý;

c) Kiểm tra báo cáo tự đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về báo cáo tự đánh giá;

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục, thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý về hồ sơ được chấp nhận đánh giá ngoài hoặc yêu cầu tiếp tục hoàn thiện;

đ) Tháng 02 và tháng 7 hằng năm, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Bộ Giáo dục và Đào tạo về các cơ sở giáo dục phổ thông hoàn thành báo cáo tự đánh giá được chấp nhận đánh giá ngoài, kế hoạch đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục phổ thông và thông báo công khai trên Website của sở giáo dục và đào tạo.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ ĐÁNH GIÁ LẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 19. Đoàn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông

1. Cơ cấu tổ chức:

Đoàn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là đoàn đánh giá ngoài) có 5 đến 7 thành viên, do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quyết định thành lập, bao gồm:

a) Trưởng đoàn, thư ký;

b) Các thành viên còn lại là chuyên gia có chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm định chất lượng giáo dục; đại diện nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở các cơ sở giáo dục phổ thông, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo; đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, ngành liên quan;

2. Tiêu chuẩn của các thành viên đoàn đánh giá ngoài:

a) Có tư cách đạo đức tốt, trung thực và khách quan; trước đây và hiện nay không làm việc tại cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài; có ít nhất 05 năm công tác trong ngành giáo dục; có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đã qua khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn về đánh giá ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp hoặc đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo ủy quyền tổ chức cấp hoặc do tổ chức nước ngoài cấp và được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

b) Trưởng đoàn là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (hoặc nguyên là Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp) tương ứng với cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài hoặc Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng giáo dục và đào tạo, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chức năng của sở giáo dục và đào tạo hoặc chuyên viên chính công tác trong ngành giáo dục và đào tạo;

c) Thư ký phải tốt nghiệp đại học trở lên;

d) Chuyên gia kiểm định chất lượng giáo dục phải tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm triển khai đánh giá chất lượng giáo dục.

3. Nhiệm vụ của đoàn đánh giá ngoài và các thành viên:

a) Đoàn đánh giá ngoài có nhiệm vụ khảo sát, đánh giá và xác định mức độ cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đề nghị công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục;

b) Trưởng đoàn chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài và phân công nhiệm vụ cho các thành viên;

c) Thư ký chuẩn bị các báo cáo, biên bản, tổng hợp kết quả đánh giá ngoài và giúp Trưởng đoàn triển khai các hoạt động đánh giá ngoài;

d) Các thành viên thực hiện các nhiệm vụ đánh giá ngoài do Trưởng đoàn phân công.

5. Đoàn đánh giá ngoài có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin liên quan đến nội dung công việc và các kết quả đánh giá trước khi chính thức gửi kết quả cho cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài.

Điều 20. Các hoạt động của đoàn đánh giá ngoài

1. Trưởng đoàn cùng thư ký xây dựng kế hoạch đánh giá ngoài; trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên của đoàn đánh giá ngoài.

2. Các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài nghiên cứu báo cáo tự đánh giá, các văn bản, tài liệu, thông tin, minh chứng.

3. Trưởng đoàn, thư ký tiến hành khảo sát sơ bộ tại cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài và thông báo kế hoạch đánh giá ngoài cho các bên liên quan được biết để chuẩn bị các điều kiện phục vụ các hoạt động đánh giá ngoài.

4. Đoàn đánh giá ngoài khảo sát chính thức và thảo luận với lãnh đạo, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài; thu thập thêm tài liệu, thông tin, minh chứng và rà soát các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài.

5. Đối chiếu, so sánh với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đánh giá mức độ mà cơ sở giáo dục phổ thông đã đạt được theo từng tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Viết báo cáo đánh giá ngoài (được trình bày dưới dạng một bản báo cáo có cấu trúc và hình thức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 21. Thông báo kết quả đánh giá ngoài

1. Bản dự thảo báo cáo đánh giá ngoài phải được gửi cho cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài để tham khảo ý kiến.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, nếu cơ sở giáo dục phổ thông không có ý kiến phản hồi, thì xem như đã đồng ý.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài hoặc kể từ ngày hết thời hạn trả lời ý kiến nêu tại khoản 2 của Điều này, đoàn đánh giá ngoài có văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông biết những ý kiến được tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu ý kiến, đoàn đánh giá ngoài phải nêu rõ lý do.

4. Báo cáo đánh giá ngoài, được ít nhất 2/3 số thành viên nhất trí thông qua, sẽ gửi cho cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài và trình sở giáo dục và đào tạo, trong đó đề xuất về việc công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Điều 22. Đánh giá lại kết quả đánh giá ngoài

1. Kết quả đánh giá ngoài được đánh giá lại khi cơ sở giáo dục phổ thông không nhất trí với báo cáo đánh giá ngoài và có công văn khiếu nại gửi sở giáo dục và đào tạo.

2. Trường hợp cơ sở giáo dục phổ thông đồng ý với dự thảo báo cáo do đoàn đánh giá ngoài gửi đến để lấy ý kiến và kết quả đánh giá ngoài không có thay đổi so với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài tại thời điểm lấy ý kiến thì cơ sở giáo dục phổ thông không được yêu cầu đánh giá lại.

3. Đoàn đánh giá lại kết quả đánh giá ngoài (sau đây gọi là đoàn đánh giá lại) có ít nhất 05 thành viên do Giám đốc sở giáo dục và đào tạo quyết định thành lập gồm đại diện phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục, Thanh tra và các đơn vị chức năng của sở giáo dục và đào tạo; chuyên gia am hiểu về kiểm định chất lượng giáo dục. Các thành viên đoàn đánh giá ngoài không tham gia đoàn đánh giá lại.

4. Đoàn đánh giá lại có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu làm việc của đoàn đánh giá ngoài, thảo luận với các thành viên của đoàn đánh giá ngoài; tiến hành khảo sát tại cơ sở giáo dục phổ thông, thảo luận với lãnh đạo cơ sở giáo dục phổ thông được đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá và viết báo cáo đánh giá lại kết quả đánh giá ngoài (được trình bày dưới dạng một bản báo cáo có cấu trúc và hình thức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

5. Kết quả đánh giá lại có giá trị thay thế kết quả đánh giá ngoài.

Điều 23. Sử dụng kết quả đánh giá ngoài và đánh giá lại

Kết quả đánh giá ngoài và đánh giá lại (nếu có) được sử dụng làm cơ sở để xem xét công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Chương V

CÔNG NHẬN CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 24. Các cấp độ của kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông

1. Cấp độ 1: cơ sở giáo dục phổ thông có từ 50% đến dưới 65% số tiêu chí đạt yêu cầu.
2. Cấp độ 2: cơ sở giáo dục phổ thông có từ 65% đến dưới 80% số tiêu chí đạt yêu cầu.
3. Cấp độ 3: cơ sở giáo dục phổ thông có từ 80% trở lên số tiêu chí đạt yêu cầu.

Điều 25. Công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

1. Cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 hoặc cấp độ 2 theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 24 của Quy định này, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định tạm thời công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ở cấp độ 1 hoặc cấp độ 2.

2. Cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy định này, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Điều 26. Thời hạn đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục phổ thông đã kiểm định chất lượng giáo dục, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ở cấp độ 3.

1. Cơ sở giáo dục phổ thông có số tiêu chí chỉ đạt yêu cầu dưới 50% của tổng số tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, thì sau 4 học kỳ (1 năm học tương đương với 2 học kỳ) nhưng không quá 5 học kỳ được đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy định này, thì sau 3 học kỳ nhưng không quá 4 học kỳ được đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Quy định này, thì sau 2 học kỳ nhưng không quá 3 học kỳ được đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 27. Cấp giấy chứng nhận và công bố kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

1. Cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục ở cấp độ 3 theo quy định khoản 3 Điều 24 của Quy định này, thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục, có giá trị 5 năm đối với trường tiểu học, 4 năm đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp.

2. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp cho cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy định này, có kích

thước 21 cm × 29 cm có nội dung theo mẫu Phụ lục 3. Các nội dung ghi trong giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục được viết bằng loại mực màu đen, chữ viết rõ ràng, tên cơ sở giáo dục phổ thông được viết kiểu chữ in hoa.

3. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông được công bố công khai trên Website của sở giáo dục và đào tạo.

Điều 28. Thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục

Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo quy định khoản 3 Điều 24 của Quy định này còn trong thời hạn, mà cơ sở giáo dục phổ thông không còn đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Lập kế hoạch kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.
2. Quản lý, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định.
3. Biên soạn các tài liệu hướng dẫn liên quan đến kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.
4. Hằng năm, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông và thông báo trên Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 30. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo

1. Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các phòng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục phổ thông do sở giáo dục và đào tạo quản lý để thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Chủ trì tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục; thực hiện các hợp đồng tổ chức hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục;
3. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục phổ thông do phòng giáo dục và đào tạo quản lý và cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý.

4. Lập kế hoạch đánh giá ngoài, đánh giá lại và ra quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài, đoàn đánh giá lại.

5. Tiếp nhận báo cáo đánh giá ngoài, báo cáo đánh giá lại (nếu có).

6. Thực hiện các thủ tục, đảm bảo các điều kiện cho hoạt động của đoàn đánh giá ngoài và đánh giá lại.

7. Hằng năm, thống kê số liệu các cơ sở giáo dục phổ thông đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục; chỉ đạo và yêu cầu các cơ sở giáo dục phổ thông chưa đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông triển khai kế hoạch phấn đấu để các cơ sở giáo dục phổ thông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

8. Giám sát các cơ sở giáo dục phổ thông đã được công nhận hoặc không được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục khi thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng trong báo cáo tự đánh giá, các kiến nghị trong báo cáo đánh giá ngoài, báo cáo kết quả đánh giá lại về việc khắc phục những điểm yếu, phát huy những điểm mạnh để nâng cao, cải tiến chất lượng các hoạt động giáo dục.

9. Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các hoạt động liên quan đến kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông để được hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra và giám sát.

Điều 31. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo

1. Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, thanh tra các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý về việc thực hiện các văn bản liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục do sở giáo dục và đào tạo và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo về việc chấp nhận các cơ sở giáo dục phổ thông để đánh giá ngoài và thực trạng quản lý chất lượng các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý; đề nghị Giám đốc sở giáo dục và đào tạo đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý.

3. Phối hợp với phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục – sở giáo dục và đào tạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan để tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về đảm bảo chất lượng cho các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý.

4. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý để đánh giá ngoài.

5. Theo dõi các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý thực hiện kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu mà cơ sở giáo dục phổ thông đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá.

6. Thực hiện các thủ tục và đảm bảo các điều kiện cho hoạt động của đoàn đánh giá ngoài, đánh giá lại (nếu có); tiếp nhận báo cáo đánh giá ngoài, báo cáo đánh giá lại và các ý kiến của cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý được đánh giá ngoài.

7. Hàng năm thống kê số liệu các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục; chỉ đạo và yêu cầu các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý chưa đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục cần triển khai kế hoạch phấn đấu để đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

8. Giám sát các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý đã được công nhận hoặc không được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thực hiện các kiến nghị của đoàn đánh giá ngoài, đoàn đánh giá lại, sở giáo dục và đào tạo về việc khắc phục những tồn tại, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục.

9. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo về các hoạt động liên quan đến kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý để được hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra và giám sát.

Điều 32. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông

1. Thực hiện quy trình tự đánh giá theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.
2. Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá và các kiến nghị của đoàn đánh giá ngoài, đoàn đánh giá lại,
3. Chuẩn bị các điều kiện để phục vụ đoàn đánh giá ngoài và đoàn đánh giá lại (nếu có).
4. Bảo vệ và phát huy kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng giáo dục.
5. Các cơ sở giáo dục phổ thông chưa đủ điều kiện đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 7 của Quy định này, cần có kế hoạch cam kết phấn đấu không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục để được đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 33. Kinh phí hoạt động

1. Hoạt động kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông được tổ chức thực hiện bằng nguồn kinh phí của Nhà nước và các nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.
2. Hàng năm, sở giáo dục và đào tạo và phòng giáo dục và đào tạo lập dự toán kinh phí từ nguồn kinh phí của Nhà nước để chi cho các hoạt động kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.
3. Hàng năm, các cơ sở giáo dục phổ thông lập dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước

(đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập), từ nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường (đối với các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục) và các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để chi cho công tác tự đánh giá, cải tiến chất lượng giáo dục và các hoạt động có liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương VII

THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Thanh tra và kiểm tra

1. Các hoạt động kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông chịu sự thanh tra, kiểm tra chuyên môn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng giáo dục và đào tạo định kỳ hoặc đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định về kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý.

3. Sở giáo dục và đào tạo định kỳ hoặc đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định về kiểm định chất lượng các phòng giáo dục và đào tạo và cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo định kỳ hoặc đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục phổ thông và các đơn vị liên quan.

Điều 35. Khiếu nại và tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại đối với hành vi, quyết định trái pháp luật của người có thẩm quyền về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Các tổ chức và cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo của mình.

Điều 36. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

(đã ký)

Bành Tiến Long

Phụ lục 1. Phiếu đánh giá tiêu chí

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 83/2008/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Cơ quan chủ quản.....		
Trường.....		
Nhóm.....		
PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ		
Tiêu chuẩn.....		
Tiêu chí		
a).....		
b).....		
c).....		
1. Mô tả hiện trạng (mục này phải có các thông tin, minh chứng kèm theo)		
.....		
.....		
2. Điểm mạnh:		
.....		
.....		
3. Điểm yếu:		
.....		
.....		
4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:		
.....		
.....		
5. Tự đánh giá:		
5.1. Xác định nhà trường đạt hay chưa đạt được yêu cầu từng chỉ số của tiêu chí:		
Chỉ số a	Chỉ số b	Chỉ số c
Đạt: <input type="checkbox"/>	Đạt: <input type="checkbox"/>	Đạt: <input type="checkbox"/>
Không đạt: <input type="checkbox"/>	Không đạt: <input type="checkbox"/>	Không đạt: <input type="checkbox"/>
5.2. Tự đánh giá tiêu chí:		

Đạt:	<input type="checkbox"/>						
Không đạt:	<input type="checkbox"/>						
(Tiêu chí Đạt khi 03 chỉ số được đánh giá Đạt).							
Người	viết	báo	cáo	(ghi	rõ	họ	và
tên):.....							

Phụ lục 2. Bản đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 83 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN TRƯỜNG.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

ĐĂNG KÝ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kính gửi: - Phòng Giáo dục và Đào tạo.....

- Sở Giáo dục và Đào tạo.....

(Cơ sở giáo dục phổ thông thuộc quyền quản lý sở giáo dục và đào tạo không cần gửi phòng giáo dục và đào tạo)

Tên trường:

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:; Fax:.....

E-mail:; Website:

Đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục theosố:.....

ngày....tháng....năm.....của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục

(Hồ sơ đăng ký kèm theo).

TT

Tên tài liệu, văn bản

Có

Không

1

2
3
4
5
...

Hiệu trưởng/Giám đốc)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 3. Mẫu giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 83/2008/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CERTIFICATE OF ACCREDITATION

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CHAIRMAN OF PEOPLE COMMITTEE OF PROVINCE /
CITY.....

CHỦ TỊCH UBND TỈNH / THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Based on the Recommendation of the Director of Department of
Education and Training

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

RECOGNIZES

CÔNG NHẬN

School:

Trường.....

Address:.....

Địa chỉ:

.....
has fully met the required accreditation standards.

.....
đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

This certificate is valid for....years from the day of issue.

Giấy chứng nhận này có giá trị năm kể từ ngày ký.

This day of 200...

....., ngày ... tháng ... năm 200...

CHAIRMAN

Vào sổ đăng ký:.....

CHỦ TỊCH

www.LuatVietnam.vn